

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1613/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 5447/QĐ-BYT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I và cấp II Sau đại học cho Trường Đại học Y Hải Phòng

Căn cứ quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học.

Căn cứ biên bản xét công nhận trúng tuyển ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng tuyển sinh sau đại học trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2021.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I năm 2021 gồm: 196 (một trăm chín mươi sáu) học viên chuyên khoa cấp I thuộc 12 (mười hai) chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, Khoa/bộ môn liên quan và học viên có tên trong danh sách ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu ĐTSĐH, VT.



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN
CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2021**

(kèm theo quyết định số 1613/QĐ-YDHP, ngày 26.tháng 11.năm 2021)

STT	TT CN	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	C/ngành
1	1	Lưu Văn	Cần	20/7/1990	Hải Phòng	CDHA
2	2	Nguyễn Văn	Chiên	17/5/1976	Hải Dương	CDHA
3	3	Đặng Văn	Chuyên	24/8/1976	Hải Phòng	CDHA
4	4	Bùi Thu	Giang	12/2/1986	Hoà Bình	CDHA
5	5	Phạm Văn	Hà	3/5/1988	Ninh Bình	CDHA
6	6	Nguyễn Thị	Hạnh	10/10/1987	Thanh Hoá	CDHA
7	7	Đinh Xuân	Hiếu	13/8/1989	Thái Bình	CDHA
8	8	Vũ Thị	Hồng	23/7/1991	Hải Phòng	CDHA
9	9	Trương Tuấn	Hùng	20/12/1988	Quảng Ninh	CDHA
10	10	Đinh Đức	Linh	19/6/1987	Phú Thọ	CDHA
11	11	Trịnh Đức	Lợi	19/5/1992	Thanh Hoá	CDHA
12	12	Phạm Văn	Long	15/7/1985	Thanh Hoá	CDHA
13	13	Trịnh Văn	Long	1/6/1988	Ninh Bình	CDHA
14	14	Trần Văn	Năm	1/10/1986	Thanh Hoá	CDHA
15	15	Lương Khắc	Ngọ	5/2/1990	Thanh Hoá	CDHA
16	16	Phạm Văn	Quế	11/11/1986	Hải Dương	CDHA
17	17	Nguyễn Ánh	Siêu	30/10/1975	Thanh Hoá	CDHA
18	18	Nguyễn Văn	Tân	6/2/1982	Quảng Ninh	CDHA
19	19	Hồ Minh	Thu	18/2/1989	Ninh Bình	CDHA
20	20	Ngô Thị Minh	Thư	1/2/1994	Hải Dương	CDHA
21	21	Tô Thị Quỳnh	Trang	3/5/1990	Quảng Ninh	CDHA
22	22	Nguyễn Thảo Yên	Trinh	1/12/1993	Sơn La	CDHA
23	23	Vũ Minh	Tuấn	6/9/1984	Hải Phòng	CDHA
24	24	Hoàng Quốc	Việt	1/5/1989	Quảng Ninh	CDHA
25	1	Phạm Văn	Ba	2/2/1988	Hải Dương	GMHS
26	2	Nguyễn Thị Kim	Cúc	15/8/1990	Bắc Ninh	GMHS
27	3	Nguyễn Bá	Dần	5/6/1986	Hải Dương	GMHS
28	4	Sùng Chính	Dính	18/11/1989	Hà Giang	GMHS
29	5	Trần Duy	Dương	4/9/1986	Hà Nội	GMHS
30	6	Bùi Thị Thanh	Hương	17/9/1993	Hải Phòng	GMHS



31	7	Võ Đại	Khánh	11/6/1977	Thái Bình	GMHS
32	8	Phan Thị Hoài	Nam	4/4/1988	Hưng Yên	GMHS
33	9	Trần Xuân	Ngo	9/4/1990	Thái Bình	GMHS
34	10	Trần Thị	Thêu	8/9/1990	Hưng Yên	GMHS
35	1	Hoàng Mạnh	Hà	25/10/1984	Nam Định	Mất
36	2	Bùi Minh	Kiên	6/8/1991	Quảng Ninh	Mất
37	3	Nguyễn Thế	Sinh	13/11/1982	Bắc Ninh	Mất
38	4	Nguyễn Đức Cao	Son	17/11/1985	Quảng Ninh	Mất
39	5	Nguyễn Thu	Trang	8/12/1990	Hưng Yên	Mất
40	1	Đỗ Văn	Cường	16/11/1991	Hà Nam	Ngoại
41	2	Trần Quốc	Đại	20/5/1985	Hưng Yên	Ngoại
42	3	Phạm Bình	Dương	18/4/1990	Quảng Ninh	Ngoại
43	4	An Thanh	Hải	22/10/1993	Hưng Yên	Ngoại
44	5	Triệu Thanh	Hoà	29/11/1988	Cao Bằng	Ngoại
45	6	Phạm Văn	Minh	25/3/1989	Quảng Ninh	Ngoại
46	7	Phan Thanh	Nam	16/9/1990	Quảng Ninh	Ngoại
47	8	Dương Quốc	Oai	2/7/1985	Hải Phòng	Ngoại
48	9	Nguyễn Anh	Tú	1/10/1992	Ninh Bình	Ngoại
49	1	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	5/10/1988	Hải Dương	Nhi
50	2	Bùi Văn	Dân	5/6/1985	Hoà Bình	Nhi
51	3	Nguyễn Tuấn	Đạt	8/10/1991	Hải Phòng	Nhi
52	4	Nguyễn Ngọc	Đỉnh	19/10/1991	Hải Phòng	Nhi
53	5	Phạm Thị	Hiền	4/9/1991	Hải Phòng	Nhi
54	6	Ngô Quang	Hiếu	5/6/1987	Hải Phòng	Nhi
55	7	Nguyễn Thị	Hiếu	22/1/1989	Hải Phòng	Nhi
56	8	Nguyễn Thị	Hồng	4/6/1984	Hải Phòng	Nhi
57	9	Bế Thị	Khang	20/12/1986	Quảng Ninh	Nhi
58	10	Nguyễn Thị Thu	Lan	29/11/1989	Hải Dương	Nhi
59	11	Lê Thị Thuý	Nga	17/4/1985	Hải Dương	Nhi
60	12	Đào Nguyên	Ngọc	12/12/1991	Hải Phòng	Nhi
61	13	Vũ Thị	Ngọc	4/12/1984	Quảng Ninh	Nhi
62	14	Phan Thị	Nguyệt	13/2/1989	Thanh Hoá	Nhi
63	15	Nguyễn Thị Minh	Quyên	14/2/1994	Hải Phòng	Nhi
64	16	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/8/1987	Sơn La	Nhi
65	17	Nguyễn Minh	Tuấn	2/9/1987	Hưng Yên	Nhi
66	1	Trần Thị Kim	Dung	25/4/1978	Hải Phòng	Nội
67	2	Vũ Đức	Duy	20/8/1987	Quảng Ninh	Nội
68	3	Lương Thị Thu	Giang	7/5/1994	Hải Phòng	Nội

69	4	Phạm Thị Hương	Giang	26/8/1993	Hải Phòng	Nội
70	5	Lương Mạnh	Hải	8/9/1987	Lạng Sơn	Nội
71	6	Nguyễn Tự	Hiếu	15/6/1983	Hung Yên	Nội
72	7	Nguyễn Thị Hải	Hoà	16/10/1985	Hải Dương	Nội
73	8	Nguyễn Thị	Hồng	11/11/1977	Nghệ An	Nội
74	9	Bùi Thị Thanh	Hương	16/9/1987	Thái Bình	Nội
75	10	Vũ Thị	Hường	10/7/1990	Hải Phòng	Nội
76	11	Dương Thị	Huyền	12/6/1986	Quảng Ninh	Nội
77	12	Đỗ Văn	Mạnh	30/10/1983	Hung Yên	Nội
78	13	Phạm Thị Hải	Nam	27/8/1979	Hà Nội	Nội
79	14	Phùng Thuý	Nga	22/3/1990	Quảng Ninh	Nội
80	15	Nguyễn Thị	Nga	10/11/1992	Hải Dương	Nội
81	16	Lê Trọng	Nghĩa	17/6/1987	Quảng Ninh	Nội
82	17	Nguyễn Thị	Ngoan	17/9/1983	Hải Dương	Nội
83	18	Đỗ Thị	Nguyên	13/4/1991	Hải Phòng	Nội
84	19	Nguyễn Thị	Nhung	2/12/1988	Hải Phòng	Nội
85	20	Đào Thị Minh	Phượng	10/11/1988	Quảng Ninh	Nội
86	21	Vũ Thanh	Quý	21/12/1984	Hải Dương	Nội
87	22	Trịnh Thị	Tâm	2/9/1987	Quảng Ninh	Nội
88	23	Lê Thị Thu	Thanh	4/9/1986	Quảng Ninh	Nội
89	24	Phạm Văn	Toàn	9/6/1974	Hải Phòng	Nội
90	25	Đoàn Thị	Trang	7/8/1991	Quảng Ninh	Nội
91	26	Lại Thị Thu	Trang	25/9/1987	Quảng Ninh	Nội
92	27	Nguyễn Thị Đài	Trang	16/1/1993	Hải Dương	Nội
93	28	Phạm Thị Thu	Trang	20/4/1990	Thái Bình	Nội
94	29	Tăng Thị	Trang	20/7/1989	Hải Dương	Nội
95	30	Nguyễn Viết	Tuấn	2/9/1983	Hải Phòng	Nội
96	31	Vũ Thị	Vân	21/9/1991	Hải Dương	Nội
97	32	Đặng Quốc	Vinh	19/11/1972	Quảng Ninh	Nội
98	1	Nguyễn Tuấn	Anh	7/8/1991	Hải Dương	RHM
99	2	Đặng Hồng	Bách	1/7/1978	Hải Dương	RHM
100	3	Lương Thị Hồng	Chuyên	3/4/1992	Quảng Ninh	RHM
101	4	Lê Thanh	Cúc	17/1/1995	Hải Phòng	RHM
102	5	Trịnh Văn	Điệp	4/9/1984	Thanh Hoá	RHM
103	6	Nguyễn Minh	Đức	8/4/1991	Hà Nội	RHM
104	7	Hà Duy	Dũng	29/10/1980	Thái Bình	RHM

Y
SỞ
HỌ
TÊN
QUỐC
TÊN
PHỐ

[Signature]

105	8	Đông Thế	Dũng	14/7/1991	Nam Định	RHM
106	9	Trương Văn	Giang	16/4/1994	Thái Bình	RHM
107	10	Đỗ Văn	Hải	10/5/1981	Thái Bình	RHM
108	11	Lê Thị	Hải	14/5/1987	Thanh Hoá	RHM
109	12	Phạm Thị Thu	Hằng	24/10/1987	Bắc Giang	RHM
110	13	Vũ Văn	Hạnh	24/9/1992	Quảng Ninh	RHM
111	14	Trần Thị	Hiên	7/2/1993	Hải Dương	RHM
112	15	Vũ Minh	Hiển	7/6/1990	Hải Dương	RHM
113	16	Nguyễn Anh	Hiệp	23/5/1988	Hà Tĩnh	RHM
114	17	Mai Trung	Hiếu	12/3/1985	Hà Giang	RHM
115	18	Đặng Thị Thanh	Hoa	5/12/1979	Hà Nội	RHM
116	19	Lê Đức	Hoà	4/2/1984	Hoà Bình	RHM
117	20	Hoàng Văn	Huân	26/8/1980	Lạng Sơn	RHM
118	21	Lê Đông	Hung	13/6/1988	Tuyên Quang	RHM
119	22	Đào Văn	Hướng	19/11/1991	Hà Nội	RHM
120	23	Lê Khắc	Kiên	10/2/1981	Quảng Ninh	RHM
121	24	Bùi Thành	Long	10/10/1988	Phú Thọ	RHM
122	25	Lê Quang	Long	12/3/1983	Hà Nội	RHM
123	26	Nguyễn Văn	Nghĩa	20/8/1983	Nghệ An	RHM
124	27	Nguyễn Duy	Nghĩa	23/2/1986	Hà Nội	RHM
125	28	Nguyễn Thị	Niêm	12/7/1988	Hà Giang	RHM
126	29	Lương Ngọc	Oanh	23/9/1992	Hà Nam	RHM
127	30	Hà Thị	Phương	25/1/1979	Thanh Hoá	RHM
128	31	Nguyễn Đào Minh	Phương	10/11/1992	Hoà Bình	RHM
129	32	Vũ Văn	Quỳnh	10/1/1990	Hà Nam	RHM
130	33	Chiu A	Sám	1/9/1981	Quảng Ninh	RHM
131	34	Tô Văn	Sở	15/9/1975	Hải Phòng	RHM
132	35	Nguyễn Thành	Tâm	22/12/1983	Hải Dương	RHM
133	36	Ninh Hoàng	Thái	20/1/1971	Hải Dương	RHM
134	37	Mai Quốc	Thắng	7/10/1994	Ninh Bình	RHM
135	38	Tòng Thị	Thanh	13/2/1984	Điện Biên	RHM
136	39	Nguyễn Văn	Thành	14/7/1989	Hà Nội	RHM
137	40	Đào Văn	Thành	20/12/1984	Hải Dương	RHM
138	41	Đinh Văn	Thuyền	23/11/1990	Nam Định	RHM
139	42	Triệu Thị Thuý	Trang	25/3/1991	Quảng Ninh	RHM
140	43	Lê Đức	Trung	30/12/1988	Hải Phòng	RHM
141	44	Hoàng Xuân	Trường	6/3/1984	Điện Biên	RHM
142	45	Đinh Trung	Trường	17/1/1987	Hoà Bình	RHM

143	46	Mai Xuân	Trường	1/4/1972	Hà Nội	RHM
144	47	Nguyễn Văn	Tuấn	17/5/1982	Thanh Hoá	RHM
145	48	Trần Văn	Tuấn	30/11/1984	Bắc Ninh	RHM
146	49	Dương Đức	Tùng	12/5/1992	Hà Tây	RHM
147	50	Nguyễn Xuân	Tùng	14/7/1969	Bình Định	RHM
148	51	Nguyễn Thị	Tuyết	17/1/1991	Nam Định	RHM
149	52	Dương Thị Hải	Vân	10/10/1984	Hưng Yên	RHM
150	53	Phạm Thị Thảo	Nguyên	15/5/1993	Hải Dương	RHM
151	1	Vũ Thế	Anh	8/5/1995	Hải Dương	Sản PK
152	2	Đinh Nguyệt	Ánh	24/2/1990	Tuyên Quang	Sản PK
153	3	Phạm Thị Huyền	Châm	27/12/1991	Hải Phòng	Sản PK
154	4	Nguyễn Đức	Cường	25/6/1983	Hà Nội	Sản PK
155	5	Vũ Thị	Hiền	1/1/1992	Hải Phòng	Sản PK
156	6	Lê Thị	Huyền	15/11/1987	Hưng Yên	Sản PK
157	7	Ninh Thị	Mai	19/1/1990	Quảng Ninh	Sản PK
158	8	Đào Thị	Minh	26/9/1990	Hải Phòng	Sản PK
159	9	Hoàng Thị	Nhường	20/3/1984	Lào Cai	Sản PK
160	10	Nguyễn Văn	Thành	4/7/1993	Hải Phòng	Sản PK
161	11	Đặng Ngọc	Thư	11/10/1991	Hưng Yên	Sản PK
162	12	Nguyễn Thị	Trang	22/8/1989	Quảng Ninh	Sản PK
163	13	Vũ Gia	Vụ	10/3/1978	Sơn La	Sản PK
164	1	Nguyễn Thị	An	19/5/1991	Lạng Sơn	TMH
165	2	Vũ Đức	Cường	1/12/1981	Hải Phòng	TMH
166	3	Vũ Thanh	Tuyền	16/3/1990	Hải Dương	TMH
167	4	Phạm Thuý	Nga	27/5/1991	Hải Phòng	TMH
168	5	Trần Thị	Phúc	31/3/1975	Hải Phòng	TMH
169	6	Vũ Thị Bích	Ngọc	20/8/1987	Quảng Ninh	TMH
170	7	Lục Thành	Huy	2/11/1987	Quảng Ninh	TMH
171	8	Lê Văn	Minh	23/10/1971	Hải Phòng	TMH
172	9	Đỗ Đức	Long	28/10/1990	Lạng Sơn	TMH
173	10	Phạm Văn	Huân	28/1/1986	Quảng Ninh	TMH
174	1	Trịnh Ngọc	Nam	3/2/1984	Hải Phòng	Ung thư
175	2	Nguyễn Chí	Thanh	30/3/1993	Hải Dương	Ung thư
176	3	Nguyễn Kim	Tươi	1/4/1993	Hải Phòng	Ung thư
177	1	Bùi Thị Kim	Bích	12/5/1973	Quảng Ninh	XNYH
178	2	Trần Xuân	Đuẩn	29/10/1975	Hải Phòng	XNYH
179	3	Phạm Thị	Huyền	24/4/1976	Hà Nội	XNYH
180	4	Nguyễn Thị	Nga	25/8/1992	Hải Dương	XNYH
181	5	Phạm Thị Tuyết	Trinh	11/1/1994	Hải Phòng	XNYH



Handwritten signature or mark.

182	1	Hoàng Thị Thuý	An	4/11/1994	Hải Dương	YHCT
183	2	Phạm Nguyên	Chính	10/4/1981	Thanh Hoá	YHCT
184	3	Bùi Văn	Dương	13/10/1980	Hải Phòng	YHCT
185	4	Nhữ Thị	Hậu	27/3/1991	Hải Dương	YHCT
186	5	Lê Chí	Hướng	29/5/1983	Lạng Sơn	YHCT
187	6	Nguyễn Thị	Hường	15/1/1985	Hải Dương	YHCT
188	7	Nguyễn Quang	Huy	11/12/1991	Hải Dương	YHCT
189	8	Đỗ Thị	Khuyên	23/6/1986	Hải Dương	YHCT
190	9	Trần Ngọc	Quân	27/11/1984	Hưng Yên	YHCT
191	10	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	11/4/1986	Hải Dương	YHCT
192	11	Trịnh Thị	Then	28/9/1989	Hải Dương	YHCT
193	12	Phạm Hùng	Thọ	24/4/1984	Hải Phòng	YHCT
194	13	Phạm Thị	Thuý	27/2/1986	Quảng Ninh	YHCT
195	14	Trần Thuý	Trang	17/6/1991	Hải Dương	YHCT
196	15	Đỗ Văn	Tuyên	10/6/1987	Hải Dương	YHCT

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*